

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG PHÚ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**

Ngày: 02 - 12 - 2021

*“V/v Tranh chấp  
Hợp đồng đầu tư”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Trung Thành
2. Ông Nguyễn Viết Xứng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng đầu tư*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26 ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969, có mặt  
Trú tại: Số 16/735 tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1961, vắng mặt  
Trú tại: Số nhà 04, tổ 23 ấp 3, xã Tân L, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Ngày 14/10/2017 bà X có lập hợp đồng canh tác bí hồ lô với ông Nguyễn Quang Q. Hai bên có lập bản hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017, hợp đồng có nội dung hai bên thống nhất thỏa thuận bà X sẽ đầu tư và cho ông Q số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng bí hồ lô, thời gian đầu tư đến lúc thu hoạch là 90 ngày, tức đến ngày 14/01/2018 thì ông Q phải thanh toán cho bà X số tiền 200.000.000 đồng. Cùng ngày 14/10/2017, bà X đã giao cho ông Q số tiền 30.000.000 đồng và thỏa thuận số tiền còn lại sẽ chuyển khoản, đến ngày 16/10/2017 bà X giao tiếp cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Q là 5600205334376 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên sau khi nhận đủ tiền của bà X thì ông Q đã cắt đứt liên lạc, không trồng bí hồ lô như đã thỏa thuận và cũng không trả lại số tiền trên cho bà Xuân, bà X nhiều lần đến nhà nhưng không gặp được ông Q. Vì vậy, ngày 26/7/2019 bà X đã làm đơn tố cáo ông Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú để tố cáo về hành vi lừa đảo của ông Q. Sau khi tiếp nhận đơn tố cáo, cơ quan Công an huyện Đồng Phú đã tiến hành kiểm tra xác minh, làm việc với ông Nguyễn Quang Q. Tại cơ quan Công an huyện Đồng Phú ông Q đã thừa nhận toàn bộ nội dung như bà X trình bày và hẹn sẽ trả cho bà X số tiền 235.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 23/10/2019, vì vậy cơ quan Công an cho rằng không có sự việc phạm tội nên không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông Q không trả tiền cho bà Xuân, nhiều lần bà X gọi điện nhưng không được, đến nhà không gặp được ông Q.

Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán cho bà số tiền 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận tại hợp đồng ngày 14/10/2017.

Đối với tiền buộc ông Q phải trả tiền lãi phát sinh với số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không trình bày và không yêu cầu gì thêm.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quang Q vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Q tại Tòa án.*** Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết, ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1961 có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố Tân Liên, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nhưng ông Q đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 cho tới nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ từ hồ sơ xác minh tố giác, tin báo về tội phạm của bà

Nguyễn Thị X đối với ông Nguyễn Quang Q tại Cơ quan Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ tại Cơ quan Công an huyện Đồng Phú, quá trình làm việc với cơ quan Công an huyện Đồng Phú ông Q trình bày tại “*Biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2019*” và “*Biên bản ghi lời khai ngày 23/10/2019*” (bút lục 57, 59) như sau:

“Ngày 14/10/2017 ông Q có tới nhà bà X để bàn hợp tác về việc trồng bí hồ lô và được bà X đồng ý. ông Q nói với bà X đưa cho ông Q 100.000.000 đồng, sau 90 ngày thu hoạch xong thì ông sẽ đưa lại cho bà X 200.000.000 đồng. sau đó hai bên có lập hợp đồng canh tác bí hồ lô đề ngày 14/10/2017. Hai bên có lập bản hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017, ban đầu bà X đưa cho ông Q số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 16/10/2017 bà X giao tiếp cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Q là 5600205334376 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước. Sau đó do không đủ vốn đầu tư nên ông không gieo trồng bí hồ lô được, số tiền 100.000.000 đồng ông đã sử dụng mua hạt giống bí hồ lô để trồng nhưng do nhiều khó khăn nên không thực hiện được việc trồng bí hồ lô. Nay bà X yêu cầu ông phải trả số tiền 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng và 35.000.000 đồng tiền lãi suất thì ông cũng đồng ý, nhưng do đang khó khăn nên ông hẹn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 23/10/2019 sẽ trả cho bà X số tiền 235.000.000 đồng”.

Căn cứ vào kết quả điều tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú xác định đây là tranh chấp dân sự nên không có sự việc phạm tội xảy ra. Do đó ngày 01/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú đã ra Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu lãi suất với số tiền 100.000.000 đồng. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng ngày 14/7/2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất và phiên tòa là chưa tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện việc đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối ông Q nhưng hết thời hạn đăng tin vẫn không có tin tức gì của ông Q.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, sau khi đánh giá toàn bộ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định: ngày 14/10/2017 bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Quang Q lập bản “hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô”. Hai bên thống nhất bà X đưa cho ông Q 100.000.000 đồng, sau 90 ngày thu hoạch thì ông Q sẽ trả lại cho bà X số tiền 200.000.000 đồng. bà X đã giao cho ông Q 02 lần, 01 lần 30.000.000 đồng vào ngày 14/10/2017 và 01 lần 70.000.000 đồng vào ngày 16/10/2017. Sau khi nhận tiền, ông Q không tiến hành trồng bí như thỏa thuận trước đó, hết 90 ngày ông Q cũng không trả lại tiền cho bà Xuân.

Tại biên bản lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Phú, ông Q hoàn toàn thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc và hứa sẽ trả cho bà X 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận và 35.000.000 đồng tiền lãi suất, tổng cộng 235.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 23/10/2019. Tuy nhiên, từ đó tới nay ông Q không trả tiền cho bà Xuân.

Xét Bản hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017 là loại hợp đồng hợp tác, tại thời điểm giao kết hợp đồng hai bên có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do ông Q không thực hiện đúng như thỏa thuận, cũng không trả lại tiền cho bà Xuân, vì vậy bà X khởi kiện buộc ông Q trả lại 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Q hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà Xuân. Đình chỉ yêu cầu buộc ông Q trả lãi suất với số tiền 100.000.000 đồng do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Quang Q có ký kết với nhau hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017, theo thỏa thuận bà X đã đầu tư cho ông Q 100.000.000 đồng để gieo trồng bí hồ lô, sau 90 ngày kể từ ngày đầu tư cho tới ngày thu hoạch bí hồ lô thì ông Q trả lại cho bà X 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đầu tư từ bà X, ông Q không tiến hành việc gieo trồng bí hồ lô như thỏa thuận nhưng cũng không trả lại tiền cho bà X, nhiều lần bà X tìm đến yêu cầu ông Q trả tiền nhưng không gặp. Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu ông Q phải thanh toán lại cho bà số tiền 200.000.000 đồng như đã thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 14/10/2017. Giữa bà X và ông Q chỉ là cá nhân tự đứng ra hợp tác với nhau, không đại diện cho pháp nhân nào. Vì vậy, căn cứ 504 Bộ luật dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự phát sinh tranh chấp từ hợp đồng hợp tác đầu tư. Bị đơn Nguyễn Quang Q có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Quang Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Qua xác minh tại địa phương được biết bị đơn ông Nguyễn Quang Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu phố Tân L, thị trấn Tân Ph, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018, địa phương không biết ông Q đi đâu. Do đó, Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng tin thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Quang Q theo quy định pháp luật, hết thời hạn đăng tin nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Q. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị X yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Q trả số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng cộng tác gieo

trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017 và tiền lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu lãi suất và xác định yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài ra, bà X không có yêu cầu bồi thường nào khác. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Bản “*Hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô*” ngày 14/10/2017 có thể hiện chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Quang Q.

[2.2] Tại hợp đồng thể hiện nội dung “*ông Nguyễn Quang Q và bà Nguyễn Thị X thỏa thuận bà X đầu tư và cho ông Q số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng bí hồ lô, thời gian đầu tư đến lúc thu hoạch là 90 ngày ông Q phải thanh toán cho bà X số tiền 200.000.000 đồng*”. bà X đã giao cho ông Q 02 lần, 01 lần 30.000.000 đồng vào ngày 14/10/2017 và 01 lần chuyển 70.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Q tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước.

Xét Bản hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017 là loại hợp đồng hợp tác, tại thời điểm giao kết hợp đồng hai bên có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch có hiệu lực. Do đó căn cứ Điều 385, 387, 463 Bộ luật dân sự 2015 Hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.3] Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn tại Tòa án, tuy nhiên căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Phú từ hồ sơ xác minh tố giác, tin báo về tội phạm của bà Nguyễn Thị X đối với ông Nguyễn Quang Q thì ông Q hoàn toàn thừa nhận toàn bộ sự việc đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Như vậy lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với nội dung tại hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô ngày 14/10/2017 được các bên lập, phù hợp với tài liệu chứng cứ (giấy nộp tiền ngày 16/10/2017 tại bút lục 04) do nguyên đơn cung cấp. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Ngày 14/10/2017 bà X và bị đơn có thỏa thuận và lập hợp đồng cộng tác gieo trồng bí hồ lô, với nội dung bà X sẽ đầu tư và cho ông Q số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để trồng bí hồ lô, thời gian đầu tư đến lúc thu hoạch là 90 ngày, tức đến ngày 14/01/2018 thì ông Q phải trả lại cho bà X số tiền 200.000.000 đồng. Cùng ngày 14/10/2017, bà X đã giao cho ông Q số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 16/10/2017 bà X giao tiếp cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Q là 5600205334376 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước (bút lục 04). Sau khi nhận tiền từ bà Xuân, ông Q không thực hiện việc gieo trồng bí hồ lô như thỏa thuận nhưng

cũng không trả lại tiền cho bà Xuân. Hết thời hạn thỏa thuận như trong hợp đồng ông Q không hoàn lại tiền cho bà X mặc dù nhiều lần bà X đã yêu cầu. Tại cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Phú, ông Q thừa nhận toàn bộ sự việc, không thực hiện việc gieo trồng bí hồ lô và hẹn trong thời hạn 06 tháng từ ngày 23/10/2019 sẽ thanh toán cho bà X số tiền 235.000.000 đồng, trong đó có 200.000.000 đồng theo như thỏa thuận trong hợp đồng và 35.000.000 đồng tiền lãi suất. Tuy nhiên, đến nay nhiều lần bà X đến gặp yêu cầu trả tiền nhưng ông Q tránh mặt. Như vậy, việc ông Q nhận 100.000.000 đồng từ bà X nhưng lại không sử dụng vào việc gieo trồng bí hồ lô như đã thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng ngày 14/10/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 504 Bộ luật dân sự thì *“hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm”*. Tại phiên tòa bà X xác nhận khi hai bên thỏa thuận thì bà chỉ biết giao cho ông Q 100.000.000 đồng để đầu tư trồng bí và sau 90 ngày thu hoạch thì ông Q phải trả lại cho bà 200.000.000 đồng. Tại cơ quan điều tra Công an, ông Q đã tự nguyện sẽ thanh toán cho bà X số tiền 235.000.000 đồng nhưng tới nay chưa trả cho bà X là vi phạm thỏa thuận. Đó đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Nguyễn Quang Q phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất, nguyên đơn đã xin rút. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi suất.

[2.5] Từ những phân tích tại đoạn [2.1]; [2.2]; [2.3] Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Q phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị đơn Nguyễn Quang Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 219; Điều 227, 228; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117; 119; 504; 506; 507 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị X về việc buộc bị đơn Nguyễn Quang Q phải trả số tiền 100.000.000 đồng lãi suất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Quang Q phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị X số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Quang Q phải chịu 10.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004211 quyển số 0085 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hương Trâm**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hương Trâm**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG PHÚ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

---

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào lúc      giờ      phút, ngày      /      /2020, tại Phòng nghị án.

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Sơn*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Trung

2. Ông .....

Tiến hành nghị án đối với vụ án về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa:

*\* Nguyên đơn:* Trần Thị Kim Nhung, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Trú tại: KP 3, p Tiến Thành, tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1985. (có mặt)

Trú tại: Ấp 7, xã Tân Thành, tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

*\* Bị đơn:* Phan Thị Thảo, sinh năm 1990. (có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 3, kp Tân Liên, tt Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

### ***1. Về Điều luật áp dụng:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 119, 282, 284, 463, 466 Điều Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

### ***2. Về nội dung giải quyết vụ án:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Nhung.

Buộc bị đơn Phan Thị Thảo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Kim Nhung số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

### **3. Các vấn đề khác:**

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thảo phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim Nhung số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011356, quyển số 0228 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Trần Thị Kim Nhung được quyền kháng cáo bản án; bà Phan Thị Thảo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Kết quả biểu quyết: 03/03 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút....., ngày.....tháng.....năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THADS huyện Đồng Phú;
- Các đương sự.
- Lưu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Sơn**



